

PHÁT TRIỂN VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG TRỞ THÀNH VÙNG TRỌNG ĐIỂM SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP, THỦY SẢN CỦA CẢ NƯỚC

PHAN THỊ CẨM GIANG*

Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) là trung tâm sản xuất nông nghiệp lớn nhất của cả nước. Những năm qua, ngành Nông nghiệp vùng ĐBSCL liên tục tăng trưởng, thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh lương thực quốc gia và xuất khẩu nông sản, đóng góp 31,37% GDP ngành nông nghiệp của cả nước, trong đó có 50% sản lượng lúa, 65% sản lượng nuôi trồng thủy sản, 70% lượng trái cây; 95% lượng gạo xuất khẩu và 60% sản lượng thủy sản xuất khẩu; đồng thời, tạo công ăn việc làm cho 65% dân cư của vùng¹.

1. Thực trạng phát triển nông nghiệp vùng đồng bằng sông Cửu Long

Thực hiện tổ chức triển khai đồng bộ, hiệu quả Nghị quyết số 120/NQ-CP ngày 17/11/2017 của Chính phủ về phát triển bền vững ĐBSCL thích ứng với biến đổi khí hậu; Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050”, các tỉnh, thành phố ĐBSCL đã tập trung đẩy mạnh mục tiêu quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và ngày càng đem lại nhiều kết quả thiết thực.

Theo đó, xác định các nội dung phát triển kinh tế ĐBSCL thành vùng trọng điểm sản xuất nông nghiệp, hàng hóa và thủy sản của

cả nước. Phấn đấu những mục tiêu phát triển vùng ĐBSCL đến năm 2025 đạt tốc độ tăng trưởng GDP trong lĩnh vực nông nghiệp đạt trên 3%/năm. Tốc độ tăng thu nhập từ chế biến nông - lâm - thủy sản đạt trên 5%/năm. Tỷ lệ giá trị sản phẩm nông - lâm - thủy sản được sản xuất dưới các hình thức hợp tác và liên kết đạt trên 30%. Tỷ lệ sản lượng sản phẩm trồng trọt, thủy sản nuôi trồng được cấp chứng nhận sản xuất bền vững đạt trên 20%. Tỷ lệ cơ sở sản xuất chăn nuôi trên địa bàn được xử lý chất thải bằng biogas hoặc các giải pháp công nghệ xử lý, sử dụng hiệu quả, sạch đạt 50%. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản được tưới tiêu hiện đại, thân thiện môi trường đạt trên 30%,...².

Cùng với việc xây dựng chiến lược thúc đẩy phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững vùng ĐBSCL, nhiều địa phương đã có nền tảng chuyển đổi, tái cấu trúc ngành Nông nghiệp. Nhiều mô hình nông nghiệp sinh thái, tích hợp đa tầng, đa giá trị đã xuất hiện ở nhiều địa phương trong vùng, như: mô hình tôm - lúa ở bán đảo Cà Mau; mô hình chuyển đổi từ độc canh cây lúa sang đa canh, xen canh đã tăng thu nhập cho nông

* ThS, Phó hiệu Trưởng Đại học Nội vụ TP. Hồ Chí Minh

dân ở Đồng Tháp; mô hình du lịch sinh thái, du lịch nông nghiệp, nông thôn. Đặc biệt, năm 2021, mặc dù chịu ảnh hưởng lớn của dịch bệnh Covid-19 song giá trị gia tăng tổng sản phẩm (GRDP) nông nghiệp của vùng ĐBSCL đạt 1,6%³.

Theo báo cáo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, ĐBSCL là vùng có nhiều sản phẩm nông nghiệp, chiếm sản lượng lớn của cả nước, được đầu tư phát triển theo hướng thâm canh, tăng năng suất, chất lượng và bảo đảm vai trò đặc biệt quan trọng trong chiến lược an ninh lương thực quốc gia. Hằng năm, vùng xuất khẩu 5 - 6 triệu tấn gạo với kim ngạch từ 2 - 3 tỷ USD. Năng suất lúa năm 2021 của vùng đạt 60,1 tạ/ha, sản lượng lúa 24,312 triệu tấn, chiếm tới 55,4% sản lượng lúa cả nước, giá trị khoảng 77.459 tỷ đồng⁴. Về sản lượng cây ăn trái đạt 4,3 triệu tấn, chiếm 60% cả nước, trong đó dưa lớn nhất với 1,505 triệu tấn. Giá trị sản xuất của cây ăn trái 48.651 tỷ đồng, chiếm 48% giá trị sản xuất cây ăn trái cả nước⁵. Thủy sản cũng là một trong những thế mạnh của vùng. Năm 2021, sản lượng nuôi trồng thủy sản của vùng đạt 4,79 triệu tấn, chiếm tới 55,7% sản lượng thủy sản của cả nước; giá trị sản xuất thủy sản đạt 182.250 tỷ đồng. Các sản phẩm đa dạng, trong đó sản phẩm chính là cá tra và tôm sú. Cùng với nuôi trồng, sản lượng khai thác đạt 1,48 triệu tấn, chiếm 40,4% tổng sản lượng cả nước...⁶.

2. Một số hạn chế, khó khăn

Bên cạnh những kết quả đạt được, ngành nông nghiệp vùng ĐBSCL còn gặp một số hạn chế, khó khăn:

Một là, cơ sở hạ tầng chưa đáp ứng yêu cầu phát triển với tiềm năng và lợi thế của vùng. Một số địa phương đang gặp các khó khăn do phải đối mặt với biến đổi khí hậu, xâm nhập mặn nghiêm trọng và úng ngập cục bộ. Canh tác thâm canh lúa và thủy sản còn thiếu hệ thống xử lý chất thải, làm ô

nhiễm nguồn nước mặt và xảy hiện tượng gây sụt lún do khai thác nước ngọt. Các công trình thủy điện thượng nguồn làm giảm đáng kể lượng phù sa và cát do bị các hồ chứa giữ lại. Hệ quả là gây ra sạt lở bờ sông và làm đất bạc màu, nước mặn từ biển tràn vào làm hơn một nửa diện tích tự nhiên bị nhiễm mặn.

Hai là, việc tổ chức loại hình sản xuất, hợp tác xã nông nghiệp còn nhiều bất cập, hiệu quả chưa cao do biến động của thị trường và hội nhập sâu rộng, sự cạnh tranh về các loại hàng hóa (có sự quy định nghiêm ngặt, chặt chẽ hơn với loại hàng hóa xuất khẩu) và quy định về giá cả. Còn tình trạng thiếu việc làm ở nông thôn; sự chênh lệch về mức sống và cơ hội việc làm dẫn đến luồng di cư ở ĐBSCL tới các đô thị và khu công nghiệp ở vùng TP. Hồ Chí Minh. Tình trạng nghèo, thu nhập bình quân đầu người của ĐBSCL trong năm 2019 là 3,9 triệu đồng/tháng, thấp hơn mức 4,2 triệu đồng/tháng của cả nước. Nguồn nhân lực, kỹ năng của lao động còn thấp⁷.

Ba là, hạn chế trong nhiều năm qua về hạ tầng đường bộ trở thành một điểm nghẽn cơ bản kìm hãm sự phát triển của vùng ĐBSCL. Hiện trạng cao tốc của ĐBSCL chỉ có 6,7% trong tổng số chiều dài đường cao tốc cả nước. Giao thông đường thủy nội địa đóng vai trò quan trọng ở ĐBSCL nhưng lại thiếu đầu tư, với ngân sách đầu tư giảm từ 2 - 3% tổng ngân sách đầu tư giao thông trong giai đoạn 2011 - 2015 xuống chỉ còn 1,2% trong giai đoạn 2016 - 2020. Đến nay, vùng ĐBSCL chưa có cảng biển quốc tế thực thụ⁸.

3. Giải pháp đẩy mạnh nông nghiệp vùng đồng bằng sông Cửu Long phát triển bền vững

Thứ nhất, cần tập trung đổi mới chính sách đất đai, cho phép xây dựng cơ chế đặc thù để thúc đẩy chuyển đổi, tích tụ, tập trung đất nông nghiệp. Hỗ trợ người dân giữ ổn định đất trồng lúa và nghiên cứu điều chỉnh cơ chế, chính sách thỏa đáng cho các địa

phương, hộ nông dân trong quá trình chuyển đổi đất lúa, nhất là những vùng chuyển đổi từ thâm canh lúa 3 vụ sang hình thức canh tác khác.

Thứ hai, đổi mới các hình thức tổ chức và quản trị, nâng cao chất lượng, giá trị và hiệu quả sản xuất - kinh doanh theo hướng phát huy lợi thế các sản phẩm đặc thù của địa phương; sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, thân thiện với môi trường; xây dựng liên kết chuỗi giá trị nông nghiệp, công nghiệp chế biến và dịch vụ logistics hỗ trợ nông nghiệp...

Thứ ba, phát triển các sản phẩm chiến lược, với trọng tâm là thủy sản, trái cây và lúa gạo. Nâng cao giá trị và sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp, đồng thời phát triển hệ thống các trung tâm đầu mối về nông nghiệp gắn với vùng chuyên canh, kết nối với các đô thị; tiếp tục ứng dụng công nghệ cao nhằm nâng cao giá trị và sức cạnh tranh của các sản phẩm nông nghiệp

Thứ tư, xây dựng và phát triển kinh tế sông là hoạt động phức hợp đa ngành nghề nhằm khai thác nguồn lợi kinh tế của các con sông trong vùng kết nối. Trong đó, chú trọng phát triển du lịch trên sông; khai thác, phát triển nuôi trồng thủy sản; sử dụng nguồn nước sông cho sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và sinh hoạt; xây dựng thủy điện và khai thác tài nguyên dưới lòng sông phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế.

Thứ năm, các tỉnh, thành phố cần phân bổ và sử dụng hiệu quả nguồn lực đầu tư công cho phát triển nông nghiệp của vùng. Trong đó, đối với nguồn ngân sách trung ương, xây dựng kế hoạch hàng năm và 5 năm, cân đối và có kế hoạch cụ thể đối với các công trình hạ tầng thiết yếu cấp vùng và tiểu vùng. Ưu tiên đầu tư vào hiện đại hóa các công trình thủy lợi cấp vùng và tiểu vùng ứng phó với biến đổi khí hậu, đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ cơ cấu lại nông nghiệp...

Thứ sáu, xây dựng nguồn nhân lực phục vụ phát triển nông nghiệp của vùng. Tăng cường sự phối hợp giữa người dân, doanh nghiệp với Hội Nông dân và các hiệp hội ngành hàng trong xây dựng các chương trình đào tạo nông dân chuyên nghiệp, đáp ứng yêu cầu của nông nghiệp hiện đại.

Xây dựng những chương trình thu hút chuyên gia, trí thức trẻ về làm việc tại các trung tâm nghiên cứu, đào tạo, tổ chức quản lý nhà nước và dịch vụ công trong ngành nông nghiệp tại ĐBSCL. Đồng thời, cần chú trọng triển khai áp dụng hiệu quả các chương trình khoa học và công nghệ quốc gia, chương trình ứng phó với biến đổi khí hậu để hỗ trợ, thúc đẩy nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ, nhất là công nghệ cao, công nghệ xanh thích ứng với biến đổi khí hậu vào sản xuất, chế biến nông sản chủ lực □

Chú thích:

1, 3. *Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 18/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ thúc đẩy phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững vùng đồng bằng sông Cửu Long, chủ động thích ứng biến đổi khí hậu.*

2, 4, 5, 6, 7, 8. *VCCI. Các báo cáo thường niên về đồng bằng sông Cửu Long của VCCI và Fulbright. <https://fsppm.fulbright.edu.vn>, ngày 01/8/2022.*

Tài liệu tham khảo:

1. *Nghị quyết số 120/NQ-CP ngày 17/11/2017 của Chính phủ về phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu.*

2. *Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.*

3. *Đồng bằng sông Cửu Long đối mặt với nhiều thách thức về kinh tế - xã hội và môi trường trong phát triển. <https://nhandan.vn>, ngày 01/8/2022.*

4. *Phát triển nhanh, bền vững vùng đồng bằng sông Cửu Long. <https://dangcongsan.vn>, ngày 27/6/2022.*